

TÌM HIỂU NGUỒN GỐC VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU DÌ KÊ CỦA NGƯỜI KHƠ ME Ở AN GIANG, VIỆT NAM

Bùi Thị Hoa*

Tóm tắt: Dì kê (Lakhon Yike) là loại hình nghệ thuật kịch hát múa dân gian Khơ Me, có sự kết hợp nhuần nhuyễn các yếu tố hát, múa, âm nhạc và diễn xuất chuyển tải cốt truyện, trên sân khấu. Qua nghiên cứu, Dì kê có sự ảnh hưởng từ nghệ thuật múa Robam (múa cổ điển), có nhiều điểm tương đồng và khác biệt với nghệ thuật Dù kê (Lakhon Bassac); được cho là đồng dạng, có mối quan hệ mật thiết với nghệ thuật Likay của Thái Lan và Jikey của Malaysia trong khu vực Đông Nam Á. Loại hình sân khấu Dì kê Khơ Me hiện tồn tại duy nhất ở xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Tuy nhiên, cho đến nay loại hình sân khấu này chưa được quan tâm làm rõ về nguồn gốc hình thành, những đặc điểm nghệ thuật...

Thông qua khảo cứu các nguồn tài liệu khác nhau và dựa trên dữ liệu thu thập từ quá trình điền dã, ghi hình và phỏng vấn một số nghệ nhân, nhạc công của gánh hát Dì kê của xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn (năm 2020), bài viết góp phần làm rõ vấn đề về nguồn gốc và quá trình hình thành loại hình nghệ thuật sân khấu Dì kê ở cộng đồng Khơ Me Tri Tôn (An Giang). Từ đó tìm kiếm giải pháp bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa nghệ thuật của sân khấu Dì kê ở vùng biên giới Việt Nam - Campuchia hiện nay.

Từ khóa: Dì kê (Yike), sân khấu Dì kê (Lakhon Yike), đoàn hát Dì kê Ô Lâm, Dì kê ở Tri Tôn, An Giang.

Giới thiệu

Nghệ thuật sân khấu Dì kê (Lakhon Yike/ Yike Theater) của cộng đồng người Khơ Me xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, là loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian được đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia năm 2023 (1). Trước đó, nghệ thuật sân khấu Dì kê đã tồn tại “âm thầm” trong cộng đồng từ rất lâu, trước năm 1975 từng có 6-7 gánh hát Dì kê (2) hoạt động phục vụ bà con vào những dịp lễ tết của cộng đồng Bảy Núi. Sau do cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và khó khăn kinh tế mà các đoàn tan rã, chỉ còn lại 2 đoàn ở ấp Phước Bình và ấp Phước Lợi của xã Ô Lâm. Về sau chỉ còn lại đoàn Dì kê Phước Lợi (là đoàn Dì kê Ô Lâm) từng rất phát triển vào thập niên 90 của thế kỷ XX đến những năm 2000-2015 và có nhiều đóng góp cho hoạt động

văn hóa địa phương, nhất là giúp giải trí tinh thần cho bà con vùng biên giới.

Xã Ô Lâm thuộc huyện Tri Tôn, là xã nằm sát biên giới Việt Nam - Campuchia, có địa hình là một vùng bán sơn địa, nằm dưới chân núi Cô Tô (còn gọi là Phụng Hoàng Sơn nằm trong dãy Thất Sơn); phía đông giáp xã Cô Tô, phía tây giáp xã An Tức, phía nam giáp huyện Hòn Đất (Kiên Giang), phía bắc giáp xã Núi Tô. Diện tích tự nhiên của xã 3.000,13ha, trong đó diện tích đất cho hoạt động nông nghiệp chiếm 2.258,85ha, sản xuất 3 vụ lúa: đông xuân, hè thu và thu đông. Trong hai cuộc kháng chiến, Ô Lâm là vùng căn cứ cách mạng, được nhà nước phong tặng là xã anh hùng.

Theo thống kê (2020), xã Ô Lâm có 6 ấp: Phước Long, Phước Lộc, Phước Bình, Phước Thọ, Phước Lợi, Phước An; dân số xã có 11.986 người, đa phần là người Khơ Me có số dân 11.674 người (chiếm 97% dân số toàn

* ThS. Phân viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

xã). Cộng đồng Khơ Me tại đây chủ yếu sống dựa vào sản xuất nông nghiệp làm ruộng rẫy. Nơi đất thấp thì bà con trồng lúa, cây khoai mì, cây tràm; nơi đất cao thì trồng lúa ruộng, hoa màu và cây ăn trái. Ngoài ra họ còn sống dựa vào những nghề phụ khác như: làm đường thốt nốt, dệt, làm gốm, chăn nuôi bò phục vụ sản xuất và bán lấy thịt, hoặc buôn bán nhỏ tại chỗ, một số qua lại đất bạn Campuchia mua bán...

Đồng bào Khơ Me ở Ô Lâm theo Phật giáo Nam Tông, có hai phái là Hamonikai và Thormayut. Phái có tín đồ đông nhất là Hamonikai có truyền thống lâu đời, gắn bó với tầng lớp nông dân nghèo. Phái còn lại mới hình thành sau này, chỉ quy tụ khoảng 15 gia đình. Xã có 6 chùa được phân bố đều theo các ấp và ở nơi tập trung dân cư, gồm: chùa Préas Theats, Thnót Chrôm, Kăm Phlung, Sre Bung, Svai Doong Kum và Som Sây. Là những tín đồ Phật giáo nên văn hóa Phật giáo chi phối sâu sắc mọi sinh hoạt, đời sống tinh thần của cộng đồng Khơ Me ở đây.

Hàng năm, đồng bào Khơ Me ở Ô Lâm tổ chức các lễ hội truyền thống mang đậm màu sắc tôn giáo: lễ Phật đàn, lễ nhập hạ, lễ cầu siêu, lễ dâng y... hay thực hành các lễ cúng dân gian: lễ chịu tuổi, lễ cắt tóc trả ơn mẹ, lễ cúng Ông Tà, đám tang, đám cưới, tết Chol Chnăm Thmây, lễ Dolta, lễ dâng bông... tạo nên một không gian văn hóa, bản sắc Khơ Me đặc trưng của vùng biên giới. Huyện Tri Tôn còn là vùng đất lưu giữ và thực hành nhiều di sản văn hóa nghệ thuật độc đáo như: giàn nhạc ngũ âm, đàn *chopey chomriêng* và đặc biệt còn có hai di sản văn hóa phi vật thể quốc gia nổi tiếng là “Kinh Lá Buông” và “Lễ hội đua bò vùng Bảy Núi” nổi tiếng khắp Nam Bộ. Bên cạnh những phong tục tập quán lâu đời và các lễ hội truyền thống vẫn được cộng đồng thực hành thì tại xã Ô Lâm trước năm 2015, còn duy trì được loại hình nghệ thuật sân khấu Di kê truyền thống qua hình thức

hoạt động của các gánh hát/đoàn hát Di kê mang tính chất gia đình. Trong một thời gian dài, những buổi diễn Di kê luôn có sức hút, trở thành món ăn tinh thần, niềm vui giải trí của người dân Khơ Me nơi vùng biên giới trong các dịp lễ tết của cộng đồng. Những đêm diễn đã lưu giữ trong ký ức bao thế hệ và đến hôm nay, khi nhắc đến, nhớ về, sân khấu Di kê vẫn nhận được sự quan tâm, nuôi tiếc của nhiều người yêu mến loại hình nghệ thuật dân tộc truyền thống này.

Tuy nhiên, so với hai loại hình sân khấu truyền thống nổi tiếng khác của người Khơ Me là: Rô-băm (*Rom Robam*) và Dù Kê (*Lokhon Bassac*) ở Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang thì rất ít người biết đến sự có mặt của loại hình sân khấu truyền thống Di kê ở xã Ô Lâm. Cho đến nay, giới nghiên cứu và người làm nghệ thuật cũng chưa có nhiều đánh giá về vai trò, ý nghĩa của nghệ thuật này đối với đời sống cộng đồng; cũng như chưa có những nghiên cứu làm rõ đặc điểm nghệ thuật của loại hình sân khấu dân gian này cả về lý luận và thực tiễn. Thậm chí nhiều người có sự nhầm tưởng hai loại hình nghệ thuật sân khấu Di kê (*Lakhon Yike*) và Dù kê (*Lakhon Bassac*) là một. Vì nhiều lý do khác nhau cả về kinh tế, sự phổ biến của Internet, truyền thông và các loại hình âm nhạc mới, khiến khán giả, đặc biệt là người trẻ ít mặn mà với loại hình biểu diễn dân gian này đã dẫn đến kết quả là gánh hát Di kê Ô Lâm (3) cuối cùng cũng đã tan rã (từ năm 2015). Nguy cơ nghệ thuật sân khấu Di kê biến mất và dần không còn ai ở vùng Bảy Núi nhớ về một thời Di kê sống động sẽ chỉ còn đóng băng trong ký ức người già là nhân tiền. Do vậy, tìm hiểu làm rõ cội nguồn, quá trình hình thành loại hình sân khấu Di kê là cần thiết, góp phần hiểu và nhận diện lại những giá trị văn hóa nghệ thuật, những đóng góp của loại hình nghệ thuật độc đáo này vào đời sống tinh thần cộng đồng Khơ Me vùng giáp biên giới.

Nguồn gốc loại hình nghệ thuật sân khấu truyền thống Dì kê (Lakhon Yike) và sự hiện diện của sân khấu Dì kê ở Ô Lãm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang

Dì kê (Yike) và nghệ thuật sân khấu Dì kê (Lakhon Yike)

Dì Kê - tiếng Khơ Me là *Yike* (យីកែ) (phát âm [ji:ke:]) là một loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian của người Khơ Me, được gọi là *Lakhon Yike* (sân khấu Yike; tiếng Anh: Yike Theater/Folk Theater) có nguồn gốc từ Campuchia. Nghệ thuật này từng tồn tại phổ biến ở các vùng nông thôn Campuchia và ở nhóm cộng đồng Khơ Me giáp biên, trong đó có xã Ô Lãm thuộc huyện Tri Tôn của tỉnh An Giang. Qua tìm hiểu nghiên cứu, ngoài tên gọi phổ biến Dì kê (Yike), nghệ thuật Dì kê hay gọi đầy đủ là nghệ thuật sân khấu Dì kê (Lakhon Yike) thì trong dân gian, người Khơ Me ở Tri Tôn còn có nhiều cách gọi khác là *Lãm* (4), *Hát Lãm*, *Chiêng Lãm*, *Di Kê* hay *Lí Kê*. Điều này cho thấy, cùng cội nguồn nghệ thuật Campuchia song tồn tại trong dân gian, cách gọi ở Ô Lãm nhấn mạnh đến chất liệu cốt lõi làm nên sự khác biệt trên sân khấu Dì kê chính là biến hoạt của các làn điệu Lãm truyền thống nhằm diễn tả những cung bậc cảm xúc, biểu cảm, tâm trạng nhân vật.



H1: Sân Sala chùa làm sân khấu Dì kê

Dì kê là loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian được cho là loại hình sân khấu cổ xưa, xuất hiện trước nghệ thuật Dù kê (Lakhon Bassac), thuộc kịch chũng hát múa, dạng thức loại hình sân khấu kể/dẫn truyện bằng giai điệu (*Rhythmic narration*) - có nói thơ, hát diễn tích tuồng và hát múa kết nối với cốt truyện. Hay có thể nói: Dì kê là một loại hình sân khấu âm nhạc có nguồn gốc từ Campuchia tích hợp các yếu tố múa, hát Lãm, đọc thơ, đối thoại và diễn xuất để chuyển tải cốt truyện.

Nguồn gốc Dì kê qua một số bài viết, nghiên cứu trong nước

Bàn về nguồn gốc loại hình sân khấu dân gian Dì kê của người Khơ Me ở An Giang hiện tồn tại nhiều quan điểm, ý kiến chưa rõ ràng và có nhiều cách lý giải khác nhau: tác giả Lâm Thanh Quang xem Dù kê (*Lakhon Bassac*) và Dì kê là một loại hình nghệ thuật dân gian, đều bắt nguồn từ sự giao lưu về văn hóa giữa người Kinh, Hoa và Khơ Me trong quá trình sống chung với nhau hàng thế kỷ (5). Tác giả Lâm Quang Hiến thì khẳng định rằng loại hình sân khấu Dì kê hầu như đã biến mất ở đất nước Campuchia và chỉ còn tồn tại ở hai huyện miền núi Tri Tôn và Tịnh Biên của An Giang chứ không phát triển sang các tỉnh có loại hình sân khấu Dù kê. Tác giả còn nhấn mạnh: sân khấu Dì kê kết hợp giữa điệu múa Rô-băm và hát Lãm của người Khơ Me với phong cách trình diễn của hát bộ Bình Định được hình thành để phục vụ cho dân quân người Khơ Me tham gia việc đào kinh Vĩnh Tế (6). Tác giả Châu Sóc Kha - một trí thức địa phương quan tâm đến nghệ thuật dân tộc Khơ Me, cho rằng: Dì kê xuất hiện vào những năm đầu thế kỷ XX, vốn là sản phẩm phát triển từ loại

hình múa Rô-băm kết hợp với hát và nói có vần, có điệu tạo nên ca nhạc trên sân khấu Di kê (7). Trong bài viết *Một số nét tương đồng giữa Di kê, Dù kê và Li kê* của tác giả Đào Thị Diễm Trang dù chưa chú ý làm rõ yếu tố cội nguồn hình thành Di kê song đã có sự so sánh bước đầu về không gian biểu diễn, phục trang sân khấu, phương diện thể hiện trên sân khấu, nội dung... cho thấy tính đồng dạng, mối quan hệ của 3 loại hình sân khấu trên. Tác giả cho rằng: “*Di kê, Dù kê và Li kê/ Likey, Likay (Thái Lan)*, chúng tôi nhận thấy chúng giống nhau ở những điểm quan trọng như: có sự chịu ảnh hưởng từ thể loại *Yikey* của Mã Lai và các điệu vũ Ấn Độ; (...) thời điểm hình thành và phát triển rất gần nhau (*Li kê* phát triển từ cuối thế kỉ XIX, còn *Di kê, Dù kê* phát triển từ đầu thế kỉ XX)” (8). Dù tác giả chưa phân tích rõ sự ảnh hưởng nhưng bước đầu đề cập đến yếu tố ngoại lai là các bài tụng thi - từ một nghi thức mang tính tôn giáo (đảo Java) của các thương nhân theo Hồi giáo du nhập vào, kết hợp với nghệ thuật bản địa Khơ Me để hình thành một loại hình nghệ thuật mới, phổ biến trong đời sống người Khơ Me ở nông thôn.

Nói chung, các ý kiến của người làm công tác văn hóa tại địa phương, trí thức Khơ Me và một số bài viết đề cập trên vẫn mới chỉ mang tính gợi mở và tìm cách lý giải về nghệ thuật dân gian này, song chưa thấu đáo, thuyết phục. Tuy nhiên, các nghiên cứu đều bước đầu đã khẳng định sự tồn tại: Di kê là một loại hình sân khấu dân gian có những điểm tương đồng (có sự kế thừa) và khác biệt (đặc điểm và giá trị nghệ thuật đặc trưng) với các loại hình sân khấu truyền thống khác của người Khơ Me như: Rom Robam (dạng trình diễn múa cổ điển) và Lakhon Bassac (sân khấu Dù kê phát triển ở vùng dưới/ vùng thấp của Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu...).

Nguồn gốc Di kê qua nghiên cứu của các học giả nước ngoài

Catherine Diamond trong bài viết *Emptying the Sea by the Bucketful: The*

Dilemma in Cambodian Theatre (9) đã khẳng định: sân khấu Di kê/ nhà hát Di kê (*Yike theater*) là một loại hình sân khấu lâu đời nhất so với *Lakhon Bassac* (sân khấu Dù kê/sân khấu Bassac) và *Lakhon Niyeay* (kịch nói hiện đại) nổi tiếng của Campuchia. Di kê có nguồn gốc từ thời kỳ Angkor (thế kỷ IX-XV). Học giả *Diamond* đã phỏng vấn người biểu diễn (nghệ sĩ) và cũng là thầy dạy Di kê - *Khoun Vuthy* thì được nhấn mạnh thêm là Yike có yếu tố ngoại lai, du nhập bên ngoài: đó là khi vua Jayavarman II (802-850) thăm đảo Java và sau đó thăm vua nước láng giềng ở kinh đô Srivijaya (đảo Malayu), đã mang về nước loại trống *skor yike*. Đây là loại trống lớn thường được sử dụng trong dịp đám cưới của người Hồi giáo mà nhịp điệu trống chi phối bài hát và âm nhạc *Yike* (10). Điều này được *Francesca Billeri* trong nghiên cứu của mình đã lưu ý: có nhiều cách giải thích khác nhau về nguồn gốc không rõ ràng của Lakhon Yike, nhấn mạnh sự hiện diện của trống Skor Yike từ người Chăm theo đạo Hồi ở Campuchia chơi trong các nghi lễ cưới hỏi và được người Khơ Me sử dụng để tạo ra một thể loại giải trí mới; Yike ban đầu đến Campuchia thông qua thương nhân Hồi giáo từ Java hoặc Malaysia. Kết quả là Yike có những gân gũ, thậm chí có nhiều bài hát Yike trong phần điệp khúc, giai điệu sử dụng kết hợp cả tiếng Thái và tiếng Mã Lai rất giống với hình thức Jikey của Mã Lai và Likay của Thái Lan. Sau này người Khơ Me biết đến *Skor Yike* và điều chỉnh sử dụng chức năng âm nhạc của trống để xác định thể loại sân khấu gắn liền với nó là Lakhon Yike, phù hợp với văn hóa bản địa của họ. Trong những thập kỷ đầu thế kỷ XX, Yike trở thành một thể loại sân khấu đồng hóa một số động tác vũ đạo của điệu múa cung đình (11). Trong danh sách di sản văn hóa phi vật thể của Campuchia thì Lakhon Yike được miêu tả ngắn gọn: là một hình thức sân khấu nhạc cổ xưa và phổ biến của Campuchia, được cho là có nguồn gốc từ các thương nhân đi biển. Liên quan đến cách diễn tả lời

thơ/chất thơ trong các bài hát, được giả định là xuất hiện vào cuối thế kỷ VIII dưới triều đại vua Jayavarman II, và rất phổ biến vào những năm 20 của thế kỷ trước (12). Cũng có ý kiến cho rằng, Yike có mặt ở Campuchia phải trước thời Angkor: Yike có nguồn gốc từ Champa và được du nhập vào Campuchia từ thời kỳ Phù Nam (13); hay khẳng định Yike là hình thức âm nhạc/sân khấu cổ xưa, có thể bắt nguồn từ các nhóm thiểu số Chăm (Mã lai) và người Chăm Hồi giáo ở Campuchia vì có lối sử dụng âm nhạc, ca hát rất giống với phong cách Chăm và Mã Lai. Nó có sự pha trộn giữa phong cách Khơ Me cổ và Chăm cổ và có liên quan đến nhóm thiểu số Khơ Me Krom (người Khơ Me ở miền Nam Việt Nam) (14). Bên cạnh đó, tồn tại một số ý kiến cho rằng nguồn gốc sân khấu Yike không rõ ràng. Hình thức hiện tại của Yike có lẽ đã có từ cuối thế kỷ XIX, được phát triển từ các buổi biểu diễn nhỏ của những người đi biển và các thương nhân Mã Lai, nó kết hợp chặt chẽ cả kỹ thuật hát và sử dụng các thể thơ Khơ Me cổ (15).

Ngoài chú ý đến yếu tố thời gian, học giả Pich Tum Kravel trong công trình nghiên cứu của ông là *Yike and Bassac theaters* (16) đã giải thích yếu tố ngoại lai của Yike thông qua tìm hiểu nguồn gốc Di kê dựa vào sự có mặt của trống *Skor Yike* - là nhạc cụ chủ lực của loại hình nghệ thuật này. Tác giả đã chứng minh việc tiếp nhận nhạc cụ trống Yike từ người Chăm (thời kỳ Champa) căn cứ trên những cứ liệu lịch sử xác thực về mối quan hệ qua nhiều thế kỷ giữa hai nước (17) trong quá khứ. Sau này, người Chăm theo Hồi giáo ở Campuchia vẫn sử dụng trống Yike như là một dụng cụ tế thần để tăng cường sự ảnh hưởng của Islam giáo trong cộng đồng người Chăm. Hiện nay, người

Chăm sống ở các tỉnh của Campuchia như *Kom pong Cham, Kan Dal, Kom Pong Tro Leach, Kom pong Chnang...* vẫn còn sử dụng loại trống tế này trong các nghi lễ truyền thống trong đám cưới hoặc tụng kinh, hành lễ tôn giáo... nhưng không dùng trên sân khấu biểu diễn như người Khơ Me. Khi người Khơ Me tiếp nhận, họ đưa trống vào biểu diễn theo hình thức người diễn ngồi thành một vòng tròn vỗ trống, với số lượng trống gồm từ 2 - 13 trống Yike để khán giả có thể xem từ mọi hướng. Dần dà loại hình nghệ thuật này được tích hợp thêm các yếu tố âm nhạc, múa hát, làn điệu dân gian mang đặc tính nghệ thuật sân khấu Khơ Me hoàn toàn. Theo đó nghệ thuật Yike bắt đầu trở nên phổ biến trong xã hội nông thôn Campuchia và trở thành một loại hình nghệ thuật biểu diễn nói về cuộc sống và sinh hoạt của người dân Khơ Me. Nhiều nhà nghiên cứu Campuchia cho rằng cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX thì Yike đạt đến sự phổ biến khắp đất nước Campuchia.



H2: Nghệ sĩ Kunh Thia bên trống *Skor Yike*

Hiện nay, hình thức nghệ thuật này vẫn còn thấy ở nhiều vùng nông thôn của Campuchia như Xiêm Riệp, Kompong Cham, Pursat, Kompong Chhnang, Svay Rieng, Ta keo...

Dựa trên lý giải về đặc điểm nghệ thuật Di kê, tác giả Pich Tum Kravel còn lưu ý thêm: hầu như các giai điệu bài hát Di kê thường sử dụng

thể thơ tứ tuyệt và ông nhấn mạnh “đây là thể thơ già có tuổi đời lâu nhất và ngoài sử dụng cho lời thơ trên sân khấu Di kê thì người ta còn thấy có trong lời nhạc tế thần và nhạc truyền thống “nhạc cưới” có từ nhiều thế kỷ qua” (18). Còn nếu nhìn qua cách phục trang, trang điểm trong các vai diễn của Di kê thì dấu ấn Chăm còn thấy trên máo, trang phục lấy từ hình thức nghệ thuật Rô-băm cổ Khơ Me (19).

Bên cạnh đó, tìm hiểu nguồn gốc Yike trong đối sánh với các hình thức nghệ thuật sân khấu trong khu vực, thì Lakhon Yike được cho là đồng dạng, có nhiều đặc điểm nghệ thuật tương đồng với các hình thức sân khấu *Jikey* của Malaysia và *Likay* của Thái Lan trong sự pha trộn giữa vũ đạo cổ điển và hiện đại, đến lời bài hát, sử dụng nhạc cụ cả truyền thống và hiện đại; cả hai loại hình sân khấu này cũng thường lấy chủ đề từ những tích truyện xưa về các vị vua và truyện tích dân gian... Tuy nhiên, sân khấu *Lakhon Yike* của Campuchia vẫn có đặc điểm nghệ thuật đặc trưng khác với các loại hình sân khấu này ở nghệ thuật sử dụng âm nhạc, đó là sân khấu lấy nhạc cụ trống làm nhịp điệu dẫn dắt chủ đạo (20). Điều này khẳng định, Di kê chính là một trong những loại hình sân khấu cổ lâu đời của người Khơ Me tồn tại bên cạnh các hình thức sân khấu dân gian khác và đồng dạng với sân khấu khu vực Đông Nam Á. Đồng thời, giữa 3 hình thức sân khấu, xét mức độ ảnh hưởng, ra đời trước sau, những đặc điểm nghệ thuật tương đồng dị biệt... thì cần có những nghiên cứu chuyên môn sâu mang tính liên khu vực để bóc tách làm rõ những giá trị nghệ thuật đặc trưng của mỗi loại hình. Đồng thời có một cái nhìn tổng thể, đánh giá sức sống của nghệ thuật này qua không gian gắn với đời sống xã hội ở từng nước mà nó tồn tại và phát triển. Trong một cuộc giao lưu biểu diễn Lakhon Yike giữa 3 nước Campuchia - Malaysia - Thái Lan được phóng viên Khơ Me Times (2018) tường thuật: “sau khi nghe cả hai diễn giả từ phía Campuchia và Thái

Lan, Rosdeen Bin Suboh Suboh, một giảng viên nghệ thuật và giám đốc giàu kinh nghiệm từ Malaysia, bày tỏ sự ngạc nhiên rằng, mọi người ở Campuchia tin rằng Yike có nguồn gốc từ Malaysia trong khi Malaysia tin rằng Jikey của họ có nguồn gốc từ Campuchia và Thái Lan. Và đối với sân khấu Jikey chúng tôi phải bảo tồn mặc dù chúng tôi không thực sự hiểu rõ nguồn gốc của nó” (21). Điều này cho thấy còn khoảng trống cần nghiên cứu mang tính liên khu vực về loại hình sân khấu này.

Nguồn gốc Di kê ở xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, An Giang qua nghiên cứu thực địa

Dựa trên nguồn dữ liệu mà chúng tôi thu thập được trong quá trình nghiên cứu, điền dã, phỏng vấn sâu một số trí thức, sư sãi và nghệ nhân, diễn viên của gánh hát Di kê Ô Lâm thì hầu hết ý kiến mọi người đều nhấn mạnh đến nguồn gốc rất lâu đời của loại hình nghệ thuật Di kê ở vùng Ô Lâm, và họ đều cho rằng Di kê có gốc từ Campuchia. Họ không biết có từ khi nào mà chỉ biết rằng nhiều thế hệ ông bà của họ đã biết đến Di kê và đã từng xem biểu diễn Di kê. Đặc biệt, qua phỏng vấn nhạc công, nghệ nhân gánh hát Di kê Ô Lâm thì họ đều nhấn mạnh đến vai trò của nhạc cụ trống Di kê (*Skor Yike*): không có trống Di kê thì không ra nghệ thuật sân khấu Di kê (22). Trong đoàn hát Di kê, trống luôn được xem là một nhạc cụ thiêng, người nhạc công luôn dành cho trống sự kính trọng và xem trống như một vị thần. Đặc biệt cũng giống như múa Rom Robam, bắt đầu một vở diễn hay một trích đoạn Di kê thì bắt buộc có tiết mục mở màn múa cúng tổ gọi là *Pithii Haom roong*. Đây là điệu múa mang tính nghi lễ bày tỏ sự kính trọng đối với các bậc thầy sân khấu, mà theo diễn viên Di kê cho biết: một số lời bài hát trong màn múa cúng tổ có một số từ cổ cứ lặp đi lặp lại mà người diễn viên không hiểu được ý nghĩa của từ đó là gì, vì những từ đó không có trong tiếng Khơ Me (23). Phải chăng đó là tàn dư những câu chú trong kinh

tụng của nghi lễ cúng tế thần xưa của người Chăm, người Mã Lai còn lưu lại? Và vở kịch bắt đầu vẫn mô phỏng theo sân khấu với những người nhạc công biểu diễn ngồi thành nửa vòng tròn và diễn viên hát múa chuyển tải cốt truyện trên sân khấu.

Vậy tại sao nghệ thuật sân khấu Dì kê lại chỉ tồn tại ở vùng Bảy Núi, mà cụ thể là hiện chỉ còn duy trì ở xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn (An Giang) mà không có ở các vùng dưới, nơi tập trung nhiều người Khơ Me sinh sống như Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Kiên Giang?

sân khấu Dì kê ở Ô Lâm, đây cũng được xem là vở diễn kinh điển, rất phổ biến trên đất Campuchia. Điều này khẳng định Dì kê ở Ô Lâm cùng nguồn cội *Yike* ở Campuchia và chắc chắn đã tồn tại từ lâu đời trong đời sống tinh thần người Khơ Me bản địa vùng biên ở Ô Lâm. Tuy nhiên, dù chung gốc nhưng Dì kê ở Ô Lâm vẫn giữ được những đặc thù nghệ thuật riêng qua cách họ còn bảo lưu nhiều dấu vết/tàn dư văn hóa truyền thống của loại hình này trong đời sống hiện tại. Đó là cộng đồng người Khơ Me ở đây có cách



H3: Múa Robam Hoam Roong mở màn

Như đề cập ở trên, trong nghiên cứu của các học giả nước ngoài, đều cho rằng loại hình sân khấu dân gian này vẫn còn được duy trì ở nhiều vùng nông thôn của các tỉnh Campuchia, và bởi cộng đồng Khơ Me Krom (tên gọi mà người Campuchia dùng để chỉ người Khơ Me ở Nam Bộ Việt Nam nói chung) và họ vẫn gọi Dì kê/ *Yike* như cộng đồng Khơ Me ở Campuchia. Cộng với phân tích các dữ liệu về đặc điểm nghệ thuật thu thập được tại địa phương, qua trích đoạn vở diễn *Chuyện tình Tum Teav* trình diễn trên

gọi riêng dành cho Dì kê, họ quen gọi hình thức nghệ thuật Dì kê bằng tên gọi là *Lăm*, *Hát Lăm* hay *Chơi Lăm* (chỉ người tham gia vào đoàn Dì kê) để chỉ sân khấu Dì kê. Theo các diễn viên gánh hát Dì kê Ô Lâm thì ngoài một số vở diễn truyền thống là những tích truyện dân gian quen thuộc, thì đoàn cũng diễn một vài trích đoạn được làm mới hơn bằng những câu chuyện gắn với sinh hoạt và đời sống xã hội hiện đại; hay cũng có sáng tác một số bài hát Bassac mới dựa trên nền các làn điệu Lăm truyền thống.

Trên cơ sở đó, lý giải sự hiện diện của Di kê ở vùng Bảy Núi, An Giang mà cụ thể là ở xã Ô Lâm (Tri Tôn), người viết cho rằng: loại hình nghệ thuật này đã tồn tại với cộng đồng Khơ Me ở đây từ lâu đời và được lưu giữ, truyền miệng qua nhiều thế hệ đến ngày nay. Đồng thời, loại hình này ra đời và phát triển phổ biến ở Campuchia, song do vùng Bảy Núi, An Giang lại có biên giới với Campuchia, đồng thời cộng đồng Khơ Me ở đây vẫn qua lại Campuchia làm ăn, mua bán, thăm bà con... nên nơi đây vẫn là mảnh đất sinh dưỡng cho loại hình này, ít chịu ảnh hưởng bên ngoài. Ngoài ra, ở giai đoạn những năm 1990-2000, người Khơ Me ở vùng biên ít được tiếp xúc với nghệ thuật mới qua truyền thông, mạng Internet nên Di kê vẫn có sức hấp dẫn, được đón nhận trong cộng đồng có tới 97% là người Khơ Me. Bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ người Khơ Me không sử dụng được thành thạo tiếng Việt, nên cũng tạo điều kiện cho việc bảo tồn nguyên vẹn loại hình này ở Ô Lâm, An Giang. Trong khi, cộng đồng người Khơ Me ở vùng dưới (sông nước) có môi trường tiếp xúc, giao lưu rộng hơn với các dân tộc Kinh - Hoa - Chăm, họ có cơ hội hấp thụ và chịu ảnh hưởng các loại hình sân khấu khác như cải lương, hát bội (người Kinh), hát Quảng, hát Tiều (người Hoa)... để sản sinh ra loại hình sân khấu Dù kê/*Yuke* (*Lakhon Bassac*) nổi tiếng hiện nay. Do vậy, Di kê nếu ban đầu có tồn tại ở vùng dưới thì cũng không đủ sức trụ lại trước sự phát triển, hấp dẫn của những loại hình sân khấu này. Vì thế, để có thể tồn tại ở vùng dưới, Di kê đã kết hợp linh hoạt với kiểu thức nghệ thuật từ các sân khấu bên ngoài và kết quả của sự thích ứng đó là sự ra đời của loại hình sân khấu Dù kê được đón nhận khắp vùng đồng bằng sông Cửu Long, sang cả Campuchia. Phải chăng vì vậy mà tác giả Ngô Khị khi viết về giai đoạn hình thành Dù kê đã cho rằng: “Sân khấu ca kịch Khơ Me có tên gọi ban đầu là “Du kê”. Từ ngữ “Du kê” không có nghĩa gì cả. Theo

tôi, từ Du kê xuất phát từ hai chữ “Di kê” tên gọi một loại hình sân khấu hát lâu đời tại Campuchia. Hiện nay vẫn còn một số phum sóc Khơ Me ở Trà Vinh gọi là “À Pê”. Theo tài liệu tham khảo và qua phong cách nghệ thuật biểu diễn thì Du kê của Khơ Me Nam Bộ có những đặc điểm rất giống với loại hình Di kê/*Yike* của Campuchia như tên gọi các nhân vật, tên gọi các bài hát như: Lôm, Phốt chey, Angkor Réch... mặc dù chỉ là một nhưng được gọi gần như tương tự nhau qua cách phát âm” (24). Tác giả Hoàng Túc đã bổ sung thêm cho sự khẳng định này: “Di kê bắt nguồn từ hình thức hát múa cổ truyền rất phổ biến trong những đám lễ, đám phước hàng năm, ở Hậu Giang vẫn còn có hình thức hát gọi là hát Di kê, điều đó có thể cho ta biết hình thức đầu tiên của Di kê cũng là hát múa (Lăm múa)” (25). Với những nhận định này, thêm chứng cứ xác nhận về nguồn gốc của Di kê: rất cổ xưa và xuất hiện trước Dù kê, giữa hai loại hình nghệ thuật sân khấu này có những đặc điểm nghệ thuật tương đồng, có sự kế thừa ảnh hưởng lẫn nhau trong quá trình hoàn thiện kịch chủng và loại hình sân khấu dân gian Khơ Me. Để có thể khẳng định những điều này, thiết nghĩ cần có thêm những nghiên cứu phân tích, đối sánh của giới chuyên môn.

Kết luận

Tóm lại, không dễ xác định được một mốc thời gian cụ thể, chính xác về sự ra đời của loại hình sân khấu dân gian Di kê, bởi những thành tố nghệ thuật cấu thành nên hình thái sân khấu này được kết hợp, ảnh hưởng từ nhiều nguồn bên ngoài: tiếp nhận trổng tế của người Chăm trở thành chiếc trống chủ đạo trên sân khấu Di kê; nghệ thuật sân khấu có nhiều điểm tương đồng với *Jikey* của Malaysia, *Likey* của Thái Lan; kết nối với điệu hát truyền thống Khơ Me và chịu ảnh hưởng kịch múa của sân khấu Robam (múa cổ điển)... hình thành trong dân gian. Đây là một quá trình tiếp nhận, tích hợp, bổ sung và định hình các

thuộc tính nghệ thuật Khơ Me cho đến khi sân khấu dân gian Di kê hoàn thiện, trở thành một hình thức biểu diễn phổ biến trong xã hội nông thôn Campuchia đầu thế kỷ XIX.

Liên kết lại tất cả dữ liệu đã phân tích: từ nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước Campuchia tìm hiểu về nguồn gốc sân khấu Di kê (Yike theater/Folk theater); và qua phân tích từ một số bài viết của các tác giả địa phương và trong nước viết về Di kê; từ tìm hiểu nghiên cứu tại xã Ô Lâm thông qua các trí thức Khơ Me, bậc sư sãi, vị Acha am hiểu phong tục và các nhạc công, diễn viên Di kê... chúng tôi tạm đưa ra một số kết luận:

Nghệ thuật sân khấu Di kê là nghệ thuật sân khấu truyền thống cổ xưa chịu ảnh hưởng văn hóa Chăm và Mã Lai. Là nghệ thuật có sự kết hợp: âm nhạc được dẫn dắt chủ đạo bởi nhạc cụ trống Skor Yike + sử dụng lối thơ cổ + những điệu hát Lâm truyền thống Khơ Me + ảnh hưởng múa Rô-băm + những truyện tích dân gian truyền thống, câu chuyện nói về cuộc sống và sinh hoạt của người dân Khơ Me ở nông thôn + diễn xuất của diễn viên.

Từ sự kết hợp đó, Di kê trở thành một loại hình nghệ thuật sân khấu tổng hợp, phổ biến ở nông thôn Campuchia và vùng Bảy Núi tỉnh An Giang, Việt Nam thế kỷ XX. Sân khấu Di kê hội tụ đủ 3 yếu tố: kịch bản, khán giả và diễn viên, trở thành một loại hình diễn xướng dân gian giữ vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của người Khơ Me vùng biên giới.

Hiện nay ở Việt Nam, Di kê chỉ tồn tại ở xã giáp biên giới Campuchia - là xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Tuy loại hình sân khấu dân gian này từng có vị trí trong lòng khán giả vùng Bảy Núi vào thập niên 90 của thế kỷ XX nhưng rất tiếc đến năm 2015, gánh hát cuối cùng cũng chính thức tan rã. Liệu Di kê còn có cơ hội "sống lại" hay sẽ đi vào quên lãng và không ai còn biết đến sự tồn tại của nghệ thuật này? Và giải pháp nào để phục hồi, gây dựng lại đoàn hát Di kê?... là những câu hỏi cần sớm được giới nghiên cứu

và những người yêu thích loại hình sân khấu Di kê giải đáp./.

B.T.H.

1. QĐ số 160/QĐ-BVHTTDL, QĐ đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Nghệ thuật sân khấu Di kê của người Khơ Me xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, ngày 02-02-2023.

2. Phỏng vấn các Sư sãi, Acha và Thầy Châu Sóc Kha - Trí thức địa phương ở xã Ô Lâm, Tri Tôn.

3. Đội Di kê Ô Lâm ở ấp Phước Lợi (trước đây là ấp Phước Lộc) xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, có 25 - 30 người, do vợ chồng nghệ nhân Chau Chaps và Neang Oks làm bầu đoàn/gánh hát, được công nhận là nghệ nhân ưu tú dân gian năm 2015. Tuy nhiên, đến năm 2014 - 2015 vì nhiều lý do: đời sống diễn viên khó khăn, khiến nhiều diễn viên bỏ lên thành phố, đi Bình Dương làm ăn xa, cộng thêm năm 2018 nghệ nhân Chau Chaps cũng là trưởng đoàn mất, chỉ còn lại vợ là nghệ nhân Neang Oks và con gái là nghệ sĩ Kunh Thia, nên tình trạng đoàn không trụ được. Từ năm 2015 đến nay, đoàn Di kê Ô Lâm không còn hoạt động, chính thức tan rã.

4. Các làn điệu Lâm được xem như lòng bàn (tương tự như các câu vọng cổ của người Việt). Theo các nghệ nhân cho biết có chừng 80 điệu Lâm, diễn tả mọi cung bậc cảm xúc khác nhau của nhân vật trên sân khấu, nhưng hay sử dụng nhất chừng 40 điệu (theo nghệ sĩ Kuynh Thia). Những điệu Lâm thường được sáng tác bằng các thể thơ độc đáo của người Khơ Me, trong đó có thơ tứ tuyệt (thể thơ 4 chữ), mỗi đoạn có 4 câu, mỗi câu có 4 từ được xem là một thể thơ truyền thống cổ xưa và "già" nhất của người Khơ Me thường được hát phục vụ nghi lễ, đám cưới hay đám phước (gọi là hát phong tục và lễ nghi); ngoài thể thơ tứ tuyệt thì có thể thơ 8 chữ, được viết thành 16 khổ thơ theo quy luật hiệp vần (Chau Sóc Kha, Tlđđ).

5. Lâm Thanh Quang, Sân khấu dù kê, *di kê trong lòng người Khơ Me Nam Bộ*. <http://vanhoalichsuangiang.blogspot.com/2013/05/san-khau-du-ke-di-ke-trong-long-nguoi.html> (truy cập 18-10-2020).

6. Lâm Quang Hiến (2019), *Bảo tồn nghệ thuật sân khấu Dì kê tại xã Ô Lâm huyện Tro Tôn*, trong “Hội thảo khoa học: Vùng đất Tri Tôn 180 năm hình thành và phát triển (1839-2019)”. Hội Khoa học lịch sử tỉnh An Giang, tr. 228.

7. Châu Sóc Kha (2011), “Tiếng ca trên sân khấu Dì kê Khơ Me Nam Bộ”, *Tạp chí Văn hóa các dân tộc*, số 10/2011, tr. 4-5.

8. Đào Thị Diễm Trang (2014), “Một số nét tương đồng giữa Dì kê, Dù kê và Li kê”, *Tạp chí Khoa học*, số 13, tr. 98-99.

9. *Diamond Catherine (2003)*, “Emptying the Sea by the Bucketful: The Dilemma in Cambodian Theatre”, *Asian Theatre Journal*, Vol. 20, No. 2 (Autumn, 2003), pp. 147-178; (see at: <https://www.researchgate.net/publication/236768831>)

10. *Diamond Catherine (2003)*, pp. 155.

11. Billeri Francesca (2019), “Thesis: Interrelations among genres in Khơ Me traditional music and theatre: phleng kar, phleng arak, lkhaon yikee and lkhaon bassac”, *Chapter 3: The Interrelations of Lkhaon Yikee Theatre and Robam Yikee Dance Repertoires*, Department of Music SOAS, University of London, pp.106.

12. The Intangible Heritage List of UNESCO, tr. 47.

13. Nguồn từ điển mở Wiki: <https://en.wikipedia.org/wiki/Yike> (truy cập 22-3-2020)

14. Khơ Me Arts: <https://kcdi-cambodia.org/cambodian-arts/> (truy cập 20-5-2023).

15. All the world's a stage: Xem <http://www.leisurecambodia.com/news/detail.php?id=115> (truy cập 16-8-2020).

16. Pich Tum Kravel (1997), *Yike and Bassac theaters*, Royal University of Fine arts, pp. 1-3 (Chau Soc Thanh dịch). (at: www.elibraryofcambodia.org)

17. Pich Tum Kravel (Tlđđ):

- Mỗi quan hệ là bạn thân thiết giữa Peah-Thon “vị vua đầu tiên của Khơ Me” và vua Asochay của Chăm thế kỷ thứ I Công nguyên.

- Trong triều đại vua Mohintryavacman và CheTrasena (600 - 616), vị vua này có cử 01 vị

quan tên Seunghaktevac để liên hệ tạo mối quan hệ với Chămpa trị vì tên SomphoVacman.

- Triều đại Preah Bath Eysanvacman thứ 01, con của ChetTraSena, vua chăm tên Cheakunthommia từng lại Campuchia và kết hôn với con gái của ngài tên SaRavani.

- Sự kiện trong triều đại Preah Bath Jayavacman thứ II tự thoát thân từ đảo Java tuyên bố độc lập tại Te Hintek Bopit (Núi Ku Lên) vào năm 802 không còn công nhận Say Linh Trek là người cai quản ở vùng đất Khơ Me.

- Sự kiện năm 1177, khi Champa phá vỡ thành Ăngkor và các sự kiện Preah Bath Jayvacman VII... là minh chứng cụ thể.

18. Pich Tum Kravel (1997), Sđđ, tr. 4.

19. Pich Tum Kravel (1997), Sđđ, tr. 1- 3.

20. Catherine Diamond (2003), tr. 155.

21. Tracing the roots of Yike and Jikey: Xem <https://www.KhơMetimeskh.com/528616/tracing-the-roots-of-yike-and-jikey/> (truy cập: 4-4-2020).

22. Phòng văn Nghệ sĩ Kunh Thia đoàn Dì kê Ô Lâm (ngày 24-10-2020).

23. Phòng văn nghệ sĩ Kunh Thia, nhạc công Chau Sóc Bô (ngày 25-10-2020).

24. Ngô Khị, “Nghệ thuật sân khấu Du kê (Lakhon Bassac)”, trong *Về sân khấu truyền thống Khơ Me Nam Bộ*, Sở Văn hóa Thông tin Sóc Trăng, Phân viện Văn hóa nghệ thuật tại Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 31.

25. Trường Lưu (chủ biên, 1993), *Văn hóa người Khơ Me vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 239. Trích lại: Trần Thị Lan Hương (2017), *Nghệ thuật múa trong sân khấu Rô-băm và Dù Kê của người Khơ Me Nam Bộ*. Luận án Tiến sĩ nghệ thuật, tr. 55.

Tài liệu tham khảo khác

Tài liệu tiếng Việt:

1. *Gặp người giữ hồn nghệ thuật Dì Kê Bày Núi*, <https://dantri.com.vn/van-hoa/gap-nguoi-giuhon-nghe-thuat-di-ke-bay-nui-> (truy cập 20-3-2020).

2. Lâm Thanh Quang, *Về Ô Lâm nghệ điệu hát Dì kê*. Xem <http://vanhoalichsuangiang>.

blogspot.com/2012/03/ve-o-lam-nghe-ieu-hat-di-ke.html (truy cập 24-3-2020).

3. Sang Sét (2019), *Nghệ thuật sân khấu Dù Kê Khơ Me Nam Bộ*, Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

4. Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Sóc Trăng - Phân viện Văn hóa Nghệ thuật tại Thành phố Hồ Chí Minh (1998), *Về sân khấu truyền thống Khơ Me Nam Bộ*, Sóc Trăng.

5. “Tiếng ca trên sân khấu Dù Kê Khơ Me Nam Bộ /Châu Sóc Kha”, Tạp chí *Văn hóa các dân tộc*, 2011, số 10, tr. 4 - 5.

6. Về Ô Lâm nghe điệu hát Dù kê, (<http://vanhoalichsuangiang.blogspot.com/2012/03/ve-o-lam-nghe-ieu-hat-di-ke.html> (truy cập 26-8-2020).

Tài liệu tiếng nước ngoài:

7. Likay “Folk Operetta”, <http://www.xip.f/atd/thailand/likay-folk-operetta.html> (truy cập 20-3-2020).

8. Pich Tum Kravel (*Under Secretary of State, Ministry of Culture and Fine Arts*) “Cham Influence in Cambodian Performing Arts”, http://iktt.espritlibre.org/en/2004/09/abstract_part_1_the_Khmer_Mes_and.htm, (truy cập 20-3-2020).

9. *Intangible cultural heritage Safeguarding Efforts in Cambodia, The intangible heritage List of UNESCO.*

10. Jonathan H. X. Lee and Kathleen M. Nadeau, Editors (Volume 1) (2011), *Encyclopedia of asian American folklore and folklife.*

11. Khơ Me dance, <http://sites.asiasociety.org/dancecambodia/notes.htm> (truy cập 23-3-2020).

12. Kuch Naren and Michelle Vachon (2006), *New Company Finds Yike Theater Fit for Revival*, <https://english.cambodiadaily.com/news/new-company-finds-yike-theater-fit-for-revival-60365/> (truy cập 25-8-2020)

13. Likay “Folk Operetta”, <https://disco.teak.fi/asia/likay-folk-operetta> (truy cập 20-3-2020).

14. Terry E. Miller and Sean Williams (2008), *The Garland Handbook*, by Routledge. Siyuan Liu (2016), *Southeast Asian Music*, Routledge Handbook of Asian Theatre, by Routledge.

15. Tracing the roots of Yike and Jikey, trong:

16. *Traditional musical instruments of Cambodia* (second edition 2003), United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization.

17. Yike, <https://www.definitions.net/definition/yike> (truy cập 20-3-2020).

Bùi Thị Hoa: Studying the origin and formation of Khmer Yeke theatrical art in An Giang province, Viet Nam

Di kê (Lakhon Yike) is an art form of Khmer folk theater and dance with a smooth combination of singing, dancing, music and acting on stage to convey the plot. Di kê is influenced by Robam dance (classical dance) and has many similarities and differences with the art of Dù kê (Lakhon Bassac). It is seen similar and closely related with the arts of Likay of Thailand and Jikey of Malaysia in Southeast Asia. The Khmer Di Kê theater exists only in Ô Lâm commune, Tri Tôn district, An Giang province. However, this type of theater has not been paid attention for studying its origin, artistic characteristics...

Based on existing materials and the data collected in 2020 from the fieldwork, records and interviews with some artists and musicians of the Di kê theater troupe of Ô Lâm commune, Tri Tôn district, An Giang province, the paper clarified the origin and formation of the Di Kê theater art form in the Khmer community in Tri Tôn. It proposed to work out solutions to preserve and promote the cultural and artistic values of the Di Kê theater in the Viet Nam - Cambodia border area in the present.

Keywords: Di Kê (Yike); the stage of Di Kê (Lakhon Yike), the singing troupe Ô Lâm Di Kê, Di Kê in Tri Tôn district, An Giang province.